



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Tuyền Quang

Số 26

Ngày 24 tháng 4 năm 2026

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

I. CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Trang

Quyết định số 02/2026/QĐ-CTUBND Quy định danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyền Quang.

21 - 4 - 2026

03

II. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Quyết định số 27/2026/QĐ-UBND ban hành Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn tỉnh Tuyền Quang.

23 - 4 - 2026

09

Quyết định số 28/2026/QĐ-UBND ban hành Quy chế quản lý, vận hành, kết nối và chia sẻ dữ liệu thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) tỉnh Tuyền Quang.

24 - 4 - 2026

31

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Quyết định số 1066/QĐ-UBND về việc ban hành danh mục thuốc mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh Tuyền Quang.

18 - 4 - 2026

46

21 - 4 - 2026	Quyết định số 1074/QĐ-UBND bãi bỏ các Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp thuộc lĩnh vực Tài chính.	54
22 - 4 - 2026	Quyết định số 1104/QĐ-UBND về việc phê duyệt phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của Công trình khai thác nước dưới đất giếng khoan LK2-LQ, xã Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.	56

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
I. CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYỀN QUANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/2026/QĐ-CTUBND

Tuyên Quang, ngày 21 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn
tài sản cố định vô hình; danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc
phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14, được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP, Nghị định số 347/2025/NĐ-CP, Nghị định số 52/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 141/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ

lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyền Quang theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4, khoản 2 Điều 13 Thông tư số 141/2025/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, các tổ chức được giao quản lý tài sản cố định thuộc phạm vi quản lý.
- b) Tổ chức tài chính nhà nước ngoài ngân sách được áp dụng theo cơ chế tài chính, cơ chế quản lý tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.
- c) Doanh nghiệp được giao quản lý tài sản cố định không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý.

Điều 2. Danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; danh mục tài sản cố định đặc thù

1. Danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.
2. Danh mục tài sản cố định đặc thù tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 4 năm 2026.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH
Phan Huy Ngọc

Phụ lục I**DANH MỤC, THỜI GIAN SỬ DỤNG ĐỂ TÍNH HAO MÒN
VÀ TỶ LỆ HAO MÒN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2026/QĐ-CTUBND ngày 21 tháng 4 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyền Quang)*

STT	Danh mục	Thời gian sử dụng để tính hao mòn (năm)	Tỷ lệ hao mòn (%/năm)
I	Sản phẩm phần mềm		
1	Nhóm Phần mềm hệ thống		
1.1	Hệ điều hành	5	20
1.2	Phần mềm mạng	5	20
1.3	Phần mềm truy vấn và quản lý dữ liệu	5	20
1.4	Phần mềm nhúng	5	20
1.5	Phần mềm môi trường vận hành	5	20
1.6	Phần mềm hệ thống khác	5	20
2	Nhóm Phần mềm ứng dụng		
2.1	Phần mềm soạn thảo và chỉnh sửa nội dung	5	20
2.2	Phần mềm tra cứu, tìm kiếm, từ điển	5	20
2.3	Phần mềm ứng dụng đa ngành	5	20
2.4	Phần mềm ứng dụng chuyên ngành	5	20
2.5	Phần mềm ứng dụng khác	5	20
3	Nhóm Phần mềm công cụ		
3.1	Phần mềm môi trường phát triển	5	20
3.2	Phần mềm kiểm thử chương trình	5	20
3.3	Phần mềm biên dịch và dịch ngược	5	20
3.4	Phần mềm quản lý cấu hình	5	20
3.5	Phần mềm tích hợp ứng dụng doanh nghiệp	5	20
3.6	Phần mềm phát triển giao diện đồ họa người dùng	5	20

3.7	Phần mềm phát triển hướng thành phần hoặc đối tượng	5	20
3.8	Phần mềm phân tích yêu cầu và kiến trúc hệ thống	5	20
3.9	Phần mềm phát triển nền tảng web	5	20
3.10	Phần mềm công cụ khác	5	20
4	Nhóm Phần mềm tiện ích		
4.1	Phần mềm quản trị, quản trị từ xa	5	20
4.2	Phần mềm sao lưu hoặc lưu trữ	5	20
4.3	Phần mềm chuyển đổi dữ liệu	5	20
4.4	Phần mềm nén dữ liệu	5	20
4.5	Phần mềm chuyển văn bản thành giọng nói	5	20
4.6	Phần mềm chuyển giọng nói thành văn bản	5	20
4.7	Phần mềm quản trị nội dung	5	20
4.8	Phần mềm nhận dạng, xử lý dữ liệu số	5	20
4.9	Phần mềm điều khiển thiết bị	5	20
4.10	Phần mềm chữ ký số điện tử	5	20
4.11	Phần mềm tiện ích khác	5	20
5	Các phần mềm khác	5	20
II	Tài sản cố định vô hình khác (trừ quyền sử dụng đất)	5	20

Phụ lục II**DANH MỤC TÀI SẢN CỔ ĐỊNH ĐẶC THÙ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 02//2026/QĐ-CTUBND ngày 21 tháng 4 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyền Quang)

STT	DANH MỤC
I	Di tích lịch sử được xếp hạng
1	Di tích quốc gia đặc biệt
2	Di tích cấp quốc gia
3	Di tích cấp tỉnh
II	Cổ vật, di vật trưng bày trong bảo tàng, nhà trưng bày, khu lưu niệm và các khu di tích
1	Nhóm chất liệu kim loại
2	Nhóm chất liệu nhựa
3	Nhóm chất liệu thủy tinh
4	Nhóm chất liệu mộc
5	Nhóm chất liệu vải
6	Nhóm chất liệu sợi gai
7	Nhóm chất liệu giấy
8	Nhóm chất liệu da
9	Nhóm chất liệu xương
10	Nhóm chất liệu sừng
11	Nhóm chất liệu gốm (sành, sứ)
12	Nhóm chất liệu đá
13	Nhóm chất liệu phim ảnh
14	Nhóm chất liệu lông
15	Nhóm chất liệu vỏ cây, hạt cây
16	Nhóm các tiêu bản mẫu động vật, thực vật
17	Nhóm chất liệu hữu cơ

STT	DANH MỤC
18	Nhóm chất liệu khác
III	Quyền tác giả
1	Tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học
2	Tác phẩm phái sinh
IV	Quyền liên quan đến quyền tác giả
1	<i>Cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu cáp mang chương trình được mã hóa, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa</i>
V	Quyền sở hữu công nghiệp
1	Sáng chế
2	Thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn
3	Kiểu dáng công nghiệp
4	Nhãn hiệu
5	Giải pháp hữu ích
6	Chỉ dẫn địa lý
VI	Quyền đối với giống cây trồng

II. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYỀN QUANG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 27/2026/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 23 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị Công viên địa chất
toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn tỉnh Tuyên Quang***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;**Căn cứ Luật Di sản văn hoá số 45/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 84/2025/QH15, Luật số 112/2025/QH15;**Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14, Luật số 62/2020/QH14, Luật số 45/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 55/2024/QH15, Luật số 61/2024/QH15, Luật số 84/2025/QH15, Luật số 93/2025/QH15, Luật số 95/2025/QH15;**Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 16/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15;**Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 16/2023/QH15, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 54/2024/QH15;**Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15, được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 58/2024/QH15, Luật số 71/2025/QH15, Luật số 84/2025/QH15, Luật số 93/2025/QH15, Luật số 95/2025/QH15, Luật số 146/2025/QH15;**Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 112/2025/QH15; Luật số 118/2025/QH15;**Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15, được sửa*

đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15;

Căn cứ Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 147/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15, Luật số 135/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 208/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập;

Căn cứ Nghị định số 215/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di sản văn hóa dưới nước, di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể và chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể;

Căn cứ Nghị định số 308/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn, tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn tỉnh

Tuyên Quang.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2026.
2. Bãi bỏ toàn bộ, một phần các quyết định sau:
 - a) Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành Quy chế quản lý, bảo vệ và phát triển Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn tỉnh Hà Giang;
 - b) Bãi bỏ Danh mục Quyết định tại số thứ tự 40, Mục IV, Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc áp dụng các Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.
3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quyết định này sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.
4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã vùng Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn; các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Vương Ngọc Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị Công viên địa chất toàn cầu
UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn tỉnh Tuyền Quang**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 27/2026/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định các hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị của Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn tỉnh Tuyền Quang (sau đây gọi tắt là Công viên địa chất), gồm: Bảo vệ khu vực di sản; quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản; quản lý các hoạt động du lịch, dịch vụ; quản lý các hoạt động văn hóa; quản lý các hoạt động nghiên cứu khoa học; quản lý các hoạt động xây dựng và khai thác khoáng sản và các hoạt động liên quan khác đến Công viên địa chất.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị Công viên địa chất trên khu vực Công viên địa chất.

Điều 2. Nguyên tắc chung

1. Hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản trên khu vực Công viên địa chất phải đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành; các tiêu chí, khuyến nghị của Mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu UNESCO và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan.

2. Các di sản địa chất, di sản văn hóa và di sản tự nhiên trên vùng Công viên địa chất được quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái và góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng

đồng địa phương.

3. Phát triển Công viên địa chất phải phù hợp với quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị của Công viên địa chất, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch khác có liên quan đã được phê duyệt; có trọng tâm, trọng điểm; bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ lợi ích quốc gia, lợi ích cộng đồng; phù hợp với chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

4. Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các sở, ban, ngành, địa phương trong lĩnh vực quản lý theo ngành, lĩnh vực và trên địa bàn.

5. Bảo đảm công khai, minh bạch và có sự tham gia, góp ý rộng rãi của tổ chức, cá nhân, cộng đồng liên quan trong quá trình quản lý, khai thác và xây dựng.

6. Bảo tồn các giá trị nổi bật toàn cầu của Công viên địa chất là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt; phát triển kinh tế - xã hội và du lịch phải gắn liền với bảo tồn di sản, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường sinh thái để phát triển bền vững, trong đó cộng đồng địa phương giữ vai trò là chủ thể tham gia, đồng thời là đối tượng thụ hưởng từ việc bảo tồn và phát huy giá trị Công viên địa chất, phù hợp với các tiêu chí và định hướng của UNESCO.

Điều 3. Phân vùng khu vực

1. Công viên địa chất bao gồm địa giới hành chính của 23 xã: Quản Bạ, Lùng Tám, Nghĩa Thuận, Tùng Vài, Cán Tỷ, Thắng Mố, Bạch Đích, Yên Minh, Mậu Duệ, Ngọc Long, Du Già, Đường Thượng, Đồng Văn, Lũng Cú, Phố Bàng, Sà Phìn, Lũng Phìn, Sủng Máng, Sơn Vĩ, Mèo Vạc, Khâu Vai, Niêm Sơn, Tát Ngà, có tổng diện tích 2.345km². Ranh giới khu vực Công viên địa chất được xác định: Phía Tây, phía Bắc và Đông Bắc giáp Trung Quốc; phía Đông Nam giáp tỉnh Cao Bằng và xã Minh Sơn, tỉnh Tuyên Quang; phía Nam giáp xã Minh Tân, Thuận Hoà, Tùng Bá của tỉnh Tuyên Quang.

2. Vùng lõi: Bao gồm các khu bảo tồn thiên nhiên nằm trong vùng Công viên địa chất (*phân khu chức năng của các khu bảo tồn thiên nhiên thực hiện theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, lâm nghiệp, thủy sản*); khu vực bảo vệ I của các di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh, di sản văn hoá đã được xếp hạng theo

Luật số 45/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 84/2025/QH15, Luật số 112/2025/QH15; vùng di sản cần bảo vệ nghiêm ngặt (*vùng có đường bao quanh màu đỏ - gọi tắt là vùng đỏ*) trong Báo cáo khoa học về điều tra khảo sát, khoanh vùng ranh giới di sản Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn năm 2014; khu vực có các giá trị cốt lõi cần phải được bảo vệ nguyên vẹn, giữ được nét nguyên sơ của tự nhiên của Công viên địa chất.

3. Vùng đệm: Bao gồm khu vực bảo vệ II của các di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh, di sản văn hoá đã được xếp hạng theo Luật số 45/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 84/2025/QH15, Luật số 112/2025/QH15; vùng di sản nghiêm cấm các hoạt động phá vỡ cảnh quan (*vùng có đường bao quanh màu xanh - gọi tắt là vùng xanh*) và khu vực ranh giới cụm di sản, các hoạt động dân sinh được kiểm soát dưới sự quản lý của Ban quản lý Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn (*vùng có đường bao quanh màu tím - gọi tắt là vùng tím*) trong Báo cáo khoa học về điều tra khảo sát, khoanh vùng ranh giới di sản Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn năm 2014; khu vực có giá trị cần bảo vệ ở mức thấp hơn so với vùng lõi của Công viên địa chất và nằm sát ranh giới, bao quanh vùng lõi có tác dụng ngăn chặn, giảm nhẹ tác động tiêu cực của hoạt động phát triển kinh tế - xã hội bên ngoài đến vùng lõi.

4. Vùng chuyển tiếp (*vùng phát triển kinh tế - xã hội*): Là khu vực nằm tiếp giáp, liên kết với vùng đệm thuộc Công viên địa chất và các xã Minh Tân, Thuận Hoà, Tùng Bá, Minh Sơn. Vùng chuyển tiếp diễn ra các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo tuân thủ theo các tiêu chí và khuyến nghị của Mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Bảo vệ khu vực di sản

1. Bảo vệ vùng lõi

Đây là những khu vực được khoanh vùng bảo vệ ở cấp độ cao nhất, bảo tồn tại chỗ và giữ gìn nguyên trạng các giá trị di sản của Công viên địa chất; nghiêm cấm

mọi hoạt động làm thay đổi, phá vỡ cảnh quan và các yếu tố gốc cấu thành di sản.

Thực hiện nghiêm các quy định về bảo vệ và phát huy giá trị di sản đối với khoanh vùng khu vực bảo vệ I theo Luật số 45/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 84/2025/QH15, Luật số 112/2025/QH15 đồng thời tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ khu bảo tồn thiên nhiên trong các lĩnh vực đa dạng sinh học, lâm nghiệp, thủy sản, các quy hoạch có liên quan và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Bảo vệ vùng đệm

Thực hiện nghiêm các quy định về bảo vệ và phát huy giá trị di sản đối với khoanh vùng khu vực bảo vệ II theo Luật số 45/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 84/2025/QH15, Luật số 112/2025/QH15 đồng thời tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy hoạch có liên quan.

a) Khu vực nghiêm cấm các hoạt động phá vỡ cảnh quan (*vùng xanh*)

Đây là khu vực có giá trị, được quản lý, bảo tồn và phát triển bền vững, nghiêm cấm các hoạt động làm thay đổi, phá vỡ cảnh quan di sản. Thực hiện bảo tồn tại chỗ, bảo vệ cảnh quan tự nhiên, phục hồi hệ sinh thái động vật, thực vật thông qua việc triển khai các hoạt động bảo tồn, tôn tạo cần thiết, hạn chế các hoạt động dân sinh, kinh tế có nguy cơ ảnh hưởng đến cảnh quan và giá trị di sản. Việc xây dựng trong khu vực phải được kiểm soát chặt chẽ, các dự án đầu tư xây dựng mới phải phù hợp với các quy hoạch có liên quan đã được phê duyệt, tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành, bảo đảm không làm ảnh hưởng đến cảnh quan tự nhiên và kiến trúc truyền thống.

b) Khu vực di sản dưới sự kiểm soát của Ban quản lý Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn (*vùng tím*)

Đây là khu vực tiếp giáp, liền kề và bao quanh khu vực nghiêm cấm các hoạt động phá vỡ cảnh quan (*vùng xanh*). Trong khu vực này, các tổ chức, cá nhân được phép xây dựng công trình dân dụng, cơ sở nghiên cứu, thí nghiệm, cơ sở dịch vụ du lịch, thực hiện hoạt động tuyên truyền, quảng bá về Công viên địa chất, đầu tư, xây dựng, nâng cấp hạ tầng tại các điểm dân cư gần với hoạt động sản xuất, du lịch sinh

thái và phục vụ du lịch. Các hoạt động nêu trên phải bảo đảm không gây tác động tiêu cực đến môi trường tự nhiên, tuân thủ quy định của pháp luật và phù hợp với các quy hoạch có liên quan đã được phê duyệt. Việc triển khai phải được kiểm soát chặt chẽ, ưu tiên sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường, thiết kế kiến trúc mang bản sắc truyền thống của các dân tộc trong vùng Công viên địa chất, bảo đảm hài hòa với cảnh quan tự nhiên. Khuyến khích phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp theo hướng bền vững.

3. Bảo vệ vùng chuyển tiếp

Khu vực được phép triển khai các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội bền vững, gắn với bảo tồn phát huy các giá trị di sản, tôn trọng văn hóa bản địa và tạo sinh kế cho cộng đồng địa phương, đảm bảo hài hòa lợi ích kinh tế, xã hội và môi trường; tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật hiện hành, các quy hoạch, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đáp ứng các tiêu chí, khuyến nghị và hướng dẫn của Mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu UNESCO, phù hợp với nguyên tắc quy định tại Điều 2 của Quy chế này.

Việc đầu tư xây dựng khu vực vùng chuyển tiếp căn cứ vào Quy hoạch phát triển vùng được cấp có thẩm quyền phê duyệt; có thể xây dựng những công trình phục vụ cho việc phát huy giá trị di sản nhưng không làm ảnh hưởng tiêu cực đến giá trị di sản, kiến trúc, cảnh quan thiên nhiên và môi trường sinh thái của các khu vực tiếp giáp với Công viên địa chất.

Điều 5. Quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản

1. Tổ chức điều tra, nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê, phân loại và đánh giá các giá trị di sản trong phạm vi Công viên địa chất; lập, cập nhật danh mục các điểm di sản địa chất, di sản văn hóa, di sản tự nhiên; xác định các điểm di sản có nguy cơ bị xâm hại theo thứ tự ưu tiên để xây dựng phương án quản lý, bảo vệ.

2. Xây dựng và triển khai kế hoạch bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phục hồi các điểm di sản, trong đó xác định rõ danh mục công việc, nguồn lực thực hiện, kinh phí và lộ trình phù hợp; việc tu bổ, tôn tạo, phục hồi di sản phải bảo đảm tính khoa học, tính nguyên gốc, không làm biến dạng hoặc suy giảm giá trị di sản và phải được cơ quan

có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

3. Việc xây dựng, phê duyệt và triển khai các đề án, dự án, chương trình, kế hoạch phát triển trong phạm vi Công viên địa chất phải tuân thủ nguyên tắc “Phát triển để bảo tồn, bảo tồn để phát triển”; phù hợp với các tiêu chí, quy định của Mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu UNESCO và các quy hoạch, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; bảo đảm không ảnh hưởng tiêu cực đến các giá trị di sản nổi bật toàn cầu của Công viên địa chất.

4. Khuyến khích thu hút đầu tư và phát triển các hoạt động du lịch địa chất, du lịch sinh thái, du lịch văn hóa gắn với giáo dục di sản; bảo đảm việc khai thác, sử dụng di sản có kiểm soát, không vượt quá sức chịu tải của môi trường và di sản, góp phần tạo sinh kế bền vững cho người dân địa phương; gắn với công tác quản lý, bảo vệ để phát triển bền vững các khu rừng đặc dụng trong phạm vi Công viên địa chất.

5. Hoạt động đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, tôn tạo cảnh quan và xây dựng các công trình, dịch vụ trong phạm vi Công viên địa chất phải phù hợp với các quy hoạch đã được phê duyệt và các quy định hiện hành của Nhà nước gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, đồng thời phù hợp với các quy định về phân vùng di sản tại Điều 4 Quy chế này.

6. Các công trình xây dựng của cộng đồng dân cư trong khu vực Công viên địa chất phải được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và các quy định có liên quan đến công tác bảo tồn di sản, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường sinh thái, khuyến khích xây dựng theo kiến trúc truyền thống, sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường nhằm tăng giá trị thẩm mỹ, bảo tồn bản sắc văn hóa và bảo đảm hài hòa với cảnh quan tự nhiên; đồng thời phải có biện pháp thu gom, xử lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái của Công viên địa chất toàn cầu.

7. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản Công viên địa chất, bao gồm ngân sách nhà nước, nguồn xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác; tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tham gia tu bổ, tôn tạo, phục hồi di sản và nghiên cứu khoa học nhằm phát huy các giá trị di sản dưới sự quản lý, giám sát của cơ quan chức năng, địa phương và cộng đồng dân

cư.

Điều 6. Quản lý các hoạt động du lịch, dịch vụ

1. Đối với các tuyến, điểm tham quan, trải nghiệm của Công viên địa chất:

a) Các tuyến, điểm tham quan, trải nghiệm phải được quản lý, khai thác phù hợp với tiêu chí của Mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu;

b) Tổ chức cho du khách tham quan, tìm hiểu, trải nghiệm các giá trị di sản địa chất, cảnh quan, sinh thái và văn hóa bản địa theo đúng các tuyến, điểm đã được công bố;

c) Các hạng mục cấu thành điểm tham quan, trải nghiệm gồm hệ thống biển bảng (*biển thuyết minh, biển chỉ hướng, biển đỗ xe*), sân ngắm cảnh, bãi đỗ xe, nhà vệ sinh, khu cung cấp dịch vụ và các công trình liên quan phải bảo đảm đầy đủ, phù hợp quy định, ưu tiên sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường, đảm bảo tính bền vững, hài hòa với cảnh quan tự nhiên và giá trị văn hóa truyền thống;

d) Thực hiện niêm yết nội quy, công khai đường dây nóng để tiếp nhận phản ánh, kiến nghị, tố giác vi phạm của khách du lịch và người dân;

đ) Việc khai thác, sử dụng tài nguyên và giá trị di sản phải hợp lý, gắn với bảo tồn và phát triển bền vững, không làm thay đổi, phá vỡ cảnh quan và các yếu tố gốc cấu thành điểm tham quan, trải nghiệm, thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, thu gom, xử lý rác thải theo quy định;

e) Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng địa phương trong quản lý, vận hành và cung cấp dịch vụ tại các điểm tham quan, trải nghiệm; ưu tiên sử dụng lao động tại chỗ, bảo tồn và phát huy tri thức bản địa, nghề truyền thống và các giá trị văn hóa đặc trưng;

g) Rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các điểm tham quan, trải nghiệm trên từng tuyến, kịp thời đề xuất cơ quan có thẩm quyền công nhận điểm mới, điều chỉnh điểm, tuyến và tổ chức sửa chữa, nâng cấp các hạng mục theo phương án được phê duyệt;

h) Đối với các điểm tham quan trải nghiệm chưa được khoanh vùng bảo vệ thì áp dụng các biện pháp bảo vệ như khoản 2 Điều 4 Quy chế này.

2. Liên doanh, liên kết để phát triển du lịch

Việc liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để kinh doanh phát triển du lịch trong khuôn khổ đảm bảo các mục tiêu phát triển bền vững theo tiêu chí của Mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu UNESCO và các quy định của pháp luật.

Điều 7. Quản lý các hoạt động văn hoá

Các hoạt động văn hoá, lễ hội, vui chơi giải trí khi tổ chức trên Công viên địa chất được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định của địa phương; phù hợp với thuần phong mỹ tục và đảm bảo không gây tác động xấu đến việc bảo tồn bản sắc văn hoá cũng như tín ngưỡng của cộng đồng cư dân địa phương trên địa bàn Công viên địa chất.

Điều 8. Quản lý các hoạt động nghiên cứu khoa học

1. Xây dựng định hướng, kế hoạch nghiên cứu khoa học về di sản địa chất, di sản văn hóa và đa dạng sinh học gắn với yêu cầu bảo tồn, phát huy giá trị Công viên địa chất;

2. Phối hợp thiết lập, mở rộng hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế nhằm huy động nguồn lực, chia sẻ tri thức và kinh nghiệm phục vụ công tác nghiên cứu, bảo tồn và quản lý bền vững Công viên địa chất.

3. Thẩm định, quản lý và giám sát các chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học trong phạm vi Công viên địa chất theo thẩm quyền.

4. Hoạt động nghiên cứu khoa học phải tuân thủ nghiêm các nguyên tắc:

a) Không xâm hại, không làm suy giảm các giá trị di sản địa chất, di sản văn hóa, cảnh quan và đa dạng sinh học;

b) Không làm biến dạng, thay đổi hiện trạng di sản; không thu thập, di dời mẫu vật trái phép; bảo đảm hoàn trả hiện trạng sau khi kết thúc nghiên cứu;

c) Không gây tác động tiêu cực đến môi trường sinh thái, cảnh quan thiên nhiên, đời sống, sinh kế, phong tục, tập quán và bản sắc văn hóa của cộng đồng dân cư trong vùng Công viên địa chất.

5. Khuyến khích các hoạt động nghiên cứu khoa học có giá trị thực tiễn cao,

ứng dụng khoa học - công nghệ phục vụ công tác điều tra đánh giá, giáo dục, bảo tồn các giá trị di sản; ưu tiên nguồn lực cho hoạt động nghiên cứu khoa học phục vụ công tác quản lý, bảo vệ, phát huy các giá trị di sản Công viên địa chất để phát triển bền vững.

6. Kết quả nghiên cứu khoa học phải được báo cáo, bàn giao, lưu trữ tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền và Ban quản lý Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn để phục vụ công tác quản lý, bảo tồn và phát huy các giá trị Công viên địa chất theo quy định.

Điều 9. Phát triển kinh tế địa phương

Khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn các giá trị di sản địa chất, văn hóa và tự nhiên. Tạo điều kiện cho người dân địa phương tham gia, hưởng lợi và trở thành chủ thể trong các hoạt động phát triển kinh tế, du lịch bền vững. Các hoạt động kinh tế phải gắn liền với việc bảo tồn, quảng bá các giá trị độc đáo của Công viên địa chất, tránh các hoạt động ảnh hưởng đến cảnh quan và môi trường, thực hiện một cách đồng bộ thống nhất với việc triển khai 17 mục tiêu về phát triển bền vững theo Chương trình nghị sự 2030 của Liên Hợp Quốc và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 10. Quản lý các hoạt động xây dựng và khai thác khoáng sản

1. Hoạt động xây dựng và khai thác khoáng sản trên khu vực Công viên địa chất phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật và các tiêu chí, khuyến nghị của Mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu UNESCO.

2. Ưu tiên bảo tồn nguyên trạng các giá trị di sản địa chất, cảnh quan thiên nhiên và môi trường sinh thái.

3. Việc quy hoạch, cấp phép khai thác khoáng sản (*kể cả khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường*) tại các điểm di sản đã được xếp hạng, khu vực khoanh vùng bảo vệ nghiêm ngặt, ảnh hưởng tiêu cực đến cảnh quan thiên nhiên, môi trường sinh thái và đời sống của cộng đồng dân cư, chỉ cho phép thăm dò, khai thác khoáng sản tại các khu vực đã được quy hoạch và được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện theo quy định của pháp luật. Ưu tiên sử dụng công nghệ khai thác tiên tiến, để

hạn chế tối đa ảnh hưởng tiêu cực đến di sản địa chất đã được khoanh vùng bảo vệ, cảnh quan thiên nhiên và môi trường sinh thái.

Điều 11. Kiểm soát các hoạt động duy tu, bảo dưỡng, bảo trì đường bộ và hành lang đường bộ

1. Các hoạt động duy tu, bảo dưỡng, bảo trì và khai thác, sử dụng đường bộ trên khu vực Công viên địa chất phải tuân thủ Luật Giao thông đường bộ và các quy định về bảo tồn di sản. Ưu tiên việc giữ gìn cảnh quan tự nhiên, hạn chế tối đa việc tác động làm biến dạng cấu trúc địa chất và đa dạng sinh học.

2. Đất, đá sạt lở trên công trình đường bộ, phế thải, vật tư, vật liệu dư thừa phát sinh từ các hoạt động duy tu, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa đường bộ và hành lang đường bộ phải được thu gom, tập kết đúng nơi quy định và đảm bảo công tác vệ sinh môi trường.

Điều 12. Hợp tác quốc tế

1. Thực hiện công tác hợp tác quốc tế về bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa; quan hệ với các tổ chức quốc tế, tổ chức phi Chính phủ nhằm huy động nguồn lực phục vụ công tác nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị di sản.

2. Mở rộng các hình thức hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ và phát huy các giá trị di sản; xây dựng và thực hiện các dự án hợp tác quốc tế theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Bảo vệ môi trường, cảnh quan và phòng, chống thiên tai, tai biến địa chất; ứng phó với biến đổi khí hậu

1. Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; phòng, chống thiên tai, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai, tai biến địa chất và tác động của biến đổi khí hậu;

2. Lồng ghép các nội dung bảo vệ môi trường; phòng, chống thiên tai, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai, tai biến địa chất và tác động của biến đổi khí hậu vào công tác quy hoạch, đầu tư, xây dựng, quản lý đất đai, phát triển du lịch và các hoạt động kinh tế - xã hội trong vùng Công viên địa chất;

3. Chủ động rà soát, đánh giá, khoanh vùng các khu vực có nguy cơ thiên tai,

tai biến địa chất để có biện pháp phòng ngừa, cảnh báo, kiểm soát và xử lý kịp thời theo thẩm quyền.

4. Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn cộng đồng dân cư, các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ, du lịch và khách tham quan nâng cao nhận thức, kỹ năng phòng tránh, giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Điều 14. Công tác đảm bảo an ninh trật tự

1. Tăng cường công tác kiểm tra và phối hợp thanh tra tỉnh nhằm kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý các sai phạm làm mất an ninh trật tự, an toàn xã hội an toàn giao thông, an ninh văn hóa - thông tin; an ninh quốc phòng và an ninh lãnh thổ trên vùng Công viên địa chất.

2. Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn người dân tích cực tham gia các phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chịu trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này;

b) Là cơ quan đầu mối, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị Công viên địa chất; lập phương án, xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện theo giai đoạn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Triển khai chương trình, kế hoạch, dự án đầu tư trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ và phát triển Công viên địa chất;

c) Thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với toàn bộ các cụm, điểm di sản trên địa bàn Công viên địa chất thuộc lĩnh vực, thẩm quyền được phân công. Phối hợp với các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân các xã vùng Công viên địa chất chỉ đạo, thực hiện công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị các di sản;

d) Tổ chức kiểm tra việc quản lý, bảo vệ và phát huy các giá trị di sản trên Công

viên địa chất.

2. Ban Quản lý Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tham mưu Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển Công viên địa chất; công tác tổ chức thực hiện các quy định, tiêu chí, khuyến nghị của Mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu trong việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản công viên địa chất theo quy định của Mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu; xây dựng và tổ chức triển khai các chiến lược, quy hoạch, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án về bảo tồn, quản lý và phát triển bền vững Công viên địa chất;

b) Là cơ quan trực tiếp quản lý Công viên địa chất; chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác quản lý, bảo vệ, bảo tồn và phát huy giá trị di sản theo Quy chế này, các quy định của pháp luật có liên quan và các cam kết của Việt Nam với UNESCO, Mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu; theo dõi, tổng hợp và báo cáo kết quả thực hiện phục vụ công tác đánh giá, tái thẩm định danh hiệu Công viên địa chất toàn cầu UNESCO;

c) Tham mưu điều phối, tổ chức thực hiện các quy định, tiêu chí, khuyến nghị của UNESCO và Mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu trong công tác bảo tồn, quản lý và phát huy giá trị di sản địa chất, di sản văn hóa và đa dạng sinh học; chủ động đề xuất các giải pháp nhằm duy trì, nâng cao giá trị nổi bật của Công viên địa chất, giữ vững tư cách thành viên Mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu;

d) Tổ chức quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản Công viên địa chất, trong đó:

Triển khai hoặc phối hợp triển khai các chương trình, kế hoạch đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật, tôn tạo, tu bổ các công trình, hạng mục phục vụ bảo tồn và phát huy giá trị Công viên địa chất theo phân cấp, ủy quyền và quy định của pháp luật;

Phối hợp kiểm tra, giám sát và kiến nghị xử lý các hành vi vi phạm, xâm hại, ảnh hưởng tiêu cực đối với di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, các điểm và cụm di sản địa chất, tự nhiên, cảnh quan, môi trường sinh thái trong vùng Công

viên địa chất;

đ) Quản lý, tổ chức hoạt động của hệ thống thông tin, đón tiếp và hướng dẫn khách tham quan trong phạm vi Công viên địa chất; tổ chức cung cấp thông tin, thuyết minh, hướng dẫn tham quan bảo đảm đúng quy định của pháp luật và phù hợp với yêu cầu bảo tồn di sản;

e) Xây dựng nội dung, chương trình, tài liệu và ấn phẩm giáo dục; phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, các tổ chức, đơn vị chuyên môn triển khai các hoạt động giáo dục, truyền thông về giá trị Công viên địa chất, góp phần hình thành ý thức bảo vệ di sản và phát triển bền vững;

g) Phối hợp thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, điều tra, khảo sát, đánh giá giá trị di sản địa chất, di sản văn hóa và đa dạng sinh học; quản lý, lưu trữ, khai thác và chia sẻ kết quả nghiên cứu phục vụ công tác quản lý, bảo tồn, giáo dục di sản và phát triển bền vững Công viên địa chất;

h) Phối hợp với các Ban quản lý vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên và các cơ quan chuyên môn trong công tác bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ các loài động, thực vật quý hiếm và duy trì, phục hồi hệ sinh thái trong phạm vi Công viên địa chất theo quy định của pháp luật;

i) Chủ trì, phối hợp thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực Công viên địa chất theo thẩm quyền; tham gia các hoạt động của UNESCO và Mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu; tổ chức trao đổi kinh nghiệm, tiếp nhận hỗ trợ kỹ thuật, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực quốc tế phục vụ công tác bảo tồn và phát huy giá trị Công viên địa chất; tham gia các nhóm chuyên môn của Mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu UNESCO; tham gia và tổ chức các chương trình trao đổi, hỗ trợ, tiếp nhận sinh viên, cũng như các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn do UNESCO và Mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu tổ chức;

k) Tổ chức rà soát, đánh giá hiệu quả khai thác các điểm tham quan, trải nghiệm trên từng tuyến, đề xuất cấp có thẩm quyền công nhận điểm mới, điều chỉnh tuyến/điểm để phù hợp với nhu cầu, thị hiếu của du khách và tiềm năng phát triển của vùng;

1) Định kỳ tham mưu báo cáo đánh giá công tác quản lý, bảo tồn di sản trong năm, hoặc tích hợp nội dung vào báo cáo năm; định kỳ 5 năm một lần phải có báo cáo công tác quản lý, bảo tồn theo giai đoạn và đề xuất khoanh vùng điều chỉnh, bổ sung (nếu cần thiết).

3. Các sở, ban, ngành theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm

a) Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện công tác quản lý, bảo vệ và phát huy các giá trị Công viên địa chất và các nhiệm vụ khác có liên quan đến lĩnh vực, thẩm quyền;

b) Hướng dẫn các xã, tổ chức, cá nhân thực hiện việc đầu tư xây dựng, khai thác trên Công viên địa chất tuân thủ các Quy hoạch phát triển và các quy định của pháp luật hiện hành;

c) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động trong khu vực Công viên địa chất; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý các hành vi xâm hại di sản, làm ảnh hưởng đến cảnh quan thiên nhiên, môi trường sinh thái theo quy định hiện hành của pháp luật và tiêu chí của UNESCO;

d) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng trong việc bảo vệ và phát huy các giá trị của Công viên địa chất bằng các hình thức phù hợp;

đ) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư xây dựng và phát triển Công viên địa chất theo lĩnh vực, thẩm quyền;

e) Tổ chức các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn theo kế hoạch được phê duyệt để nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ cơ sở và hướng dẫn viên tại các điểm di sản.

4. Các lực lượng Công an, Quân sự, Bộ đội Biên phòng

Xây dựng phương án đảm bảo an ninh trật tự, trật tự an toàn xã hội, xây dựng thế trận an ninh nhân dân, thế trận quốc phòng toàn dân, trọng tâm ở các khu vực biên giới, khu vực trung tâm hành chính, kết hợp giữa bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của tổ quốc với bảo vệ các di sản trên vùng Công viên địa chất.

5. Thanh tra tỉnh

Xây dựng kế hoạch thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật và nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch và các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn các trường học tổ chức các hoạt động tìm hiểu về Công viên địa chất, các chương trình giảng dạy địa phương với chủ đề Công viên địa chất, các chương trình văn nghệ, thể thao gắn với chủ đề bảo vệ Công viên địa chất. Xây dựng các chương trình học tập ngoại khóa cho học sinh, sinh viên tại các điểm di sản.

7. Báo và phát thanh, truyền hình Tuyên Quang

Xây dựng chương trình quảng bá, giới thiệu, tuyên truyền về bảo vệ các di sản của Công viên địa chất tới mọi người dân và khách du lịch.

8. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các hoạt động nghiên cứu khoa học trên vùng Công viên địa chất theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 16. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã trên vùng Công viên địa chất

Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc quản lý đối với các cụm, điểm di sản trong phạm vi quản lý, nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các hoạt động trên địa bàn quản lý.

1. Công tác tuyên truyền

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ và phát triển Công viên địa chất. Có trách nhiệm vận động, hướng dẫn nhân dân thực hiện nghiêm túc Quy chế này;

b) Triển khai các hoạt động tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng bằng nhiều hình thức về Công viên địa chất;

c) Cải tiến và nâng cấp hệ thống panô, biển bảng với nội dung và hình thức phong phú vừa gần gũi, thân thiện với môi trường vừa đảm bảo tính bền vững theo

thời gian dưới tác động của điều kiện thời tiết khắc nghiệt;

d) Hướng dẫn, thuyết minh phục vụ khách tham quan du lịch tại các điểm di sản trên vùng Công viên địa chất;

đ) Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn người dân, tổ chức, cá nhân thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, hạn chế phát sinh chất thải, nhất là chất thải nhựa.

2. Công tác quản lý

a) Tổ chức thực hiện và quản lý các quy hoạch đảm bảo tuân thủ các quy định, chỉ đạo việc thực hiện pháp luật, chính sách, chế độ của nhà nước về quản lý, bảo vệ và khai thác Công viên địa chất trong phạm vi địa phương quản lý;

b) Nâng cao vai trò trong việc quản lý, bảo vệ và khai thác các giá trị trên Công viên địa chất trong phạm vi của địa phương mình, thành lập các ban quản lý di tích để trực tiếp quản lý các di tích đã được xếp hạng trên vùng Công viên địa chất;

c) Khuyến khích và tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng; tổ chức các hoạt động trên vùng Công viên địa chất theo quy định;

d) Niêm yết các quy định về thu phí và giá dịch vụ tại các điểm tham quan du lịch và trên địa bàn Công viên địa chất;

đ) Phát huy vai trò của người dân địa phương ở các lứa tuổi khác nhau trong hoạt động giới thiệu về giá trị của Công viên địa chất, tham gia gìn giữ, quảng bá và bảo vệ di sản tại địa phương;

e) Tổ chức quản lý, giữ gìn vệ sinh môi trường tại các khu vực công cộng, điểm tham quan, du lịch trên địa bàn;

g) Tổ chức kiểm tra, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền.

3. Công tác phối hợp

a) Phối hợp với các sở, ban, ngành, các đơn vị liên quan quản lý, tổ chức các hoạt động xây dựng và phát triển Công viên địa chất;

b) Phối hợp với Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch và các đơn vị liên quan thực hiện các quy định của Quy chế này;

c) Phối hợp với Ban quản lý Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng

Văn thường xuyên kiểm tra giám sát các hoạt động trong vùng Công viên địa chất theo quy định. Triển khai các hoạt động bảo tồn, phát huy các giá trị di sản trên Công viên địa chất.

4. Công tác kiểm tra giám sát

Kiểm tra việc chấp hành pháp luật, chính sách, chế độ quản lý, bảo vệ di sản trên địa bàn; xử phạt vi phạm, sai phạm theo lĩnh vực quản lý trong phạm vi thẩm quyền và tuân thủ quy định của pháp luật.

Điều 17. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã Minh Tân, Thuận Hoà, Tùng Bá và Minh Sơn

Các xã Minh Tân, Thuận Hoà, Tùng Bá và Minh Sơn là vùng chuyển tiếp, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của địa phương có trách nhiệm quản lý bảo vệ giá trị các di sản và không để các hoạt động ảnh hưởng xấu đến cảnh quan thiên nhiên, môi trường sinh thái vùng chuyển tiếp của Công viên địa chất, đồng thời phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các đơn vị có liên quan thực hiện các quy định của Quy chế này.

Điều 18. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân

1. Các tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động trên Công viên địa chất có trách nhiệm:

a) Bảo vệ và phát huy giá trị các di sản vùng Công viên địa chất, tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ di sản, bảo vệ môi trường sinh thái và các quy định khác có liên quan trong quá trình tham quan, nghiên cứu, học tập và tham gia các hoạt động du lịch khác trên địa bàn Công viên địa chất; thực hiện nội quy của các khu, điểm du lịch và quy định tại Quy chế này; ứng xử văn minh, lịch sự; tôn trọng phong tục, tập quán, bản sắc văn hóa địa phương;

b) Các tổ chức, cá nhân kinh doanh hoạt động du lịch phải có giấy phép kinh doanh; kinh doanh đúng ngành, nghề đã đăng ký; phổ biến các quy định về tôn trọng, bảo vệ văn hóa truyền thống của địa phương; giới thiệu các nét đặc sắc trong văn hóa truyền thống tới du khách từ ngôn ngữ, kiến trúc, trang phục, ẩm thực, tín ngưỡng, phong tục, nghệ thuật biểu diễn, tri thức bản địa, phương thức canh tác; phổ biến các

quy định về đảm bảo an toàn cho khách du lịch; hướng dẫn các kỹ năng cho du khách trước khi tham gia các hành trình du lịch; cảnh báo nguy cơ gây nguy hiểm cho khách du lịch; thông báo, chỉ dẫn kịp thời cho khách du lịch trong trường hợp khẩn cấp; áp dụng biện pháp cần thiết, phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc cứu hộ, cứu nạn cho khách du lịch;

c) Các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ lữ hành phải đăng ký chương trình du lịch, dịch vụ và giá tour với cơ quan có thẩm quyền theo quy định; có hướng dẫn viên du lịch theo quy định; phản ánh kịp thời với chính quyền địa phương về các hành vi gây tổn hại đến an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, cảnh quan du lịch trên địa bàn. Tổ chức tham quan, trải nghiệm, cung cấp thông tin phải đúng theo nội dung thuyết minh đã được Ban quản lý Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn thống nhất, đảm bảo tính chính xác khoa học, góp phần nâng cao nhận thức cộng đồng và du khách về giá trị Công viên địa chất;

d) Các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ phải có thông tin rõ ràng, công khai, trung thực số lượng, chất lượng, giá cả các loại dịch vụ, hàng hoá cung cấp cho khách du lịch và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước. Thực hiện nghiêm và đồng bộ các quy định về an toàn thực phẩm và các quy định về vệ sinh môi trường trong các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch;

đ) Phối hợp với chính quyền địa phương, Ban quản lý Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn trong công tác quản lý, giám sát hoạt động du lịch, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và báo cáo các hành vi vi phạm;

e) Chấp hành sự kiểm tra, giám sát về chất lượng dịch vụ của cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định của pháp luật và Quy chế này;

g) Có trách nhiệm thu gom, xử lý các loại chất thải; khắc phục tác động tiêu cực do mình gây ra đối với môi trường; có biện pháp phòng, chống, tệ nạn xã hội phát sinh khi tham gia các hoạt động trên Công viên địa chất.

h) Khi tiến hành đầu tư, xây dựng, phát triển tại khu vực Công viên địa chất phải tuân thủ quy định của pháp luật và sự hướng dẫn, kiểm tra của các cơ quan chức năng có liên quan và địa phương sở tại. Các hoạt động đầu tư, xây dựng không được

gây tổn hại hoặc tạo nguy cơ tổn hại đến di sản và không phá vỡ cảnh quan thiên nhiên và môi trường sinh thái;

i) Các tổ chức, cá nhân là công dân Việt Nam, người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và các tổ chức quốc tế khi tiến hành các chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học trong phạm vi Công viên địa chất phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền của tỉnh chấp thuận bằng văn bản trước khi triển khai và chịu sự quản lý, giám sát của các cơ quan chức năng theo quy định.

2. Cộng đồng dân cư địa phương có trách nhiệm bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường sinh thái và quản lý các di sản ngay tại địa bàn sinh sống của mình. Phát triển sản xuất, đầu tư xây dựng, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường phải phù hợp với quy hoạch, tuân thủ các quy định của pháp luật, không phá vỡ cảnh quan thiên nhiên, môi trường sinh thái, trường hợp khai thác nhỏ lẻ để xây dựng các công trình dân sinh khi quy hoạch chưa được duyệt phải được sự cho phép của cấp có thẩm quyền.

Điều 19. Điều khoản thi hành

Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy chế nếu có phát sinh, vướng mắc các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực hiện./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYỀN QUANG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28/2026/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 24 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành Quy chế quản lý, vận hành, kết nối và chia sẻ dữ liệu
thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) tỉnh Tuyên Quang***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;**Căn cứ Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 21/2017/QH14, Luật số 20/2023/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 71/2025/QH15, Luật số 84/2025/QH15;**Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 60/2024/QH15;**Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14;**Căn cứ Nghị định 85/2016/NĐ-CP của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;**Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;**Căn cứ Nghị định số 69/2024/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về định danh và xác thực điện tử;**Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;**Căn cứ Nghị định số 165/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu;**Căn cứ Nghị định số 194/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giao dịch điện tử về cơ sở dữ liệu quốc gia, kết nối và chia sẻ dữ liệu, dữ liệu mở phục vụ giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước;*

Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Căn cứ Thông tư số 13/2017/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các yêu cầu kỹ thuật về kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 39/2017/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Thông tư số 17/2023/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị vô tuyến cự ly ngắn dải tần từ 9 kHz đến 25 MHz và thiết bị vòng từ hoạt động trong dải tần từ 9 kHz đến 30 MHz”;

Căn cứ Thông tư số 08/2025/TT-BCA của Bộ trưởng Bộ Công an Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc thông điệp dữ liệu trao đổi với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế quản lý, vận hành, kết nối và chia sẻ dữ liệu thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) tỉnh Tuyền Quang.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành, kết nối và chia sẻ dữ liệu thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) tỉnh Tuyền Quang.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2026.
2. Quyết định này bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 50/2024/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyền Quang Ban hành Quy chế quản lý, vận

hành Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) tỉnh Tuyên Quang.

3. Bãi bỏ Danh mục Quyết định tại số thứ tự 104 Mục IX Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc áp dụng các Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Thủ trưởng các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Vương Ngọc Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Quản lý, vận hành, kết nối và chia sẻ dữ liệu thông qua
Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) tỉnh Tuyên Quang**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 28/2026/QĐ-UBND ngày 24/4/2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý, vận hành, kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) tỉnh Tuyên Quang; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc kết nối, khai thác và chia sẻ dữ liệu phục vụ hoạt động quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công và phát triển chính quyền số trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh.
2. Các cơ quan của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh có nhu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước.
3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, vận hành, kết nối và khai thác dữ liệu thông qua LGSP tỉnh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) tỉnh Tuyên Quang là hạ tầng kỹ thuật trung gian phục vụ kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu ở Trung ương.
2. Hệ thống thông tin kết nối với LGSP là các phần mềm, cơ sở dữ liệu hoặc nền tảng số có nhu cầu tích hợp, chia sẻ dữ liệu thông qua LGSP.

3. Dữ liệu dùng chung là dữ liệu được tạo lập, quản lý bởi cơ quan nhà nước và được chia sẻ để phục vụ hoạt động quản lý nhà nước hoặc cung cấp dịch vụ công.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý và chia sẻ dữ liệu

1. Việc quản lý, kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu thông qua LGSP tỉnh phải tuân thủ quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng, bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Việc kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị phải nhằm phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, cải cách hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và phát triển chính quyền số trên địa bàn tỉnh.

3. Dữ liệu do cơ quan nhà nước tạo lập, quản lý phải được chia sẻ cho các cơ quan, đơn vị khác phục vụ hoạt động quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật, trừ các trường hợp dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước, dữ liệu hạn chế chia sẻ hoặc dữ liệu không được phép chia sẻ theo quy định của pháp luật.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính hoặc các giao dịch với cơ quan nhà nước không phải cung cấp lại các thông tin, dữ liệu mà cơ quan nhà nước đã có hoặc đã được kết nối, chia sẻ thông qua các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của nhà nước.

5. Cơ quan, đơn vị quản lý dữ liệu chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, kịp thời và hợp pháp của dữ liệu do mình cung cấp; đồng thời phải thực hiện cập nhật, chỉnh sửa dữ liệu khi có thay đổi để bảo đảm dữ liệu được chia sẻ luôn phản ánh đúng thông tin thực tế.

6. Việc chia sẻ dữ liệu thông qua Hệ thống thông tin kết nối với LGSP phải bảo đảm các yêu cầu về an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu; chỉ các cơ quan, tổ chức, cá nhân được cấp quyền mới được phép truy cập và khai thác dữ liệu theo đúng phạm vi, mục đích và thẩm quyền được giao.

7. Các hoạt động kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu thông qua Hệ thống thông tin kết nối với LGSP phải được quản lý, giám sát, ghi nhật ký và kiểm soát truy cập

nhằm bảo đảm việc sử dụng dữ liệu đúng mục đích, đúng thẩm quyền và phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước.

8. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu phải bảo đảm khả năng liên thông giữa các hệ thống thông tin trong tỉnh và với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về tích hợp, chia sẻ dữ liệu theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

9. Việc trao đổi dữ liệu giữa các hệ thống thông tin thông qua Hệ thống thông tin kết nối với LGSP khi kết nối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia phải tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc thông điệp dữ liệu do cơ quan có thẩm quyền ban hành, bảo đảm khả năng liên thông, tích hợp và đồng bộ dữ liệu trên phạm vi toàn quốc.

Điều 5. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Truy cập trái phép vào Hệ thống thông tin kết nối với LGSP.
2. Làm sai lệch, hủy hoại hoặc chiếm đoạt dữ liệu trong quá trình kết nối, chia sẻ dữ liệu.
3. Sử dụng dữ liệu được chia sẻ trái mục đích hoặc tiết lộ thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước.

Chương II QUẢN LÝ VÀ VẬN HÀNH NỀN TẢNG LGSP

Điều 6. Chức năng của Hệ thống thông tin kết nối với LGSP

1. Hệ thống thông tin kết nối với LGSP là nền tảng trung gian thực hiện kết nối, tích hợp và trao đổi dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh; bảo đảm các hệ thống thông tin có thể giao tiếp, trao đổi dữ liệu với nhau một cách thống nhất, đồng bộ và an toàn.

2. Hệ thống thông tin kết nối với LGSP cung cấp hạ tầng kỹ thuật phục vụ việc chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật, bảo đảm dữ liệu được cung cấp, khai thác đúng thẩm quyền, đúng mục đích và phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công và phát triển chính quyền số.

3. Hệ thống thông tin kết nối với LGSP thực hiện kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia và các hệ thống thông tin của bộ, ngành Trung ương để phục vụ việc trao đổi, khai thác và sử dụng dữ liệu theo quy định của pháp luật.

4. Hệ thống thông tin kết nối với LGSP cung cấp các dịch vụ trung gian phục vụ tích hợp và chia sẻ dữ liệu như: dịch vụ định tuyến dữ liệu, dịch vụ chuyển đổi định dạng dữ liệu, dịch vụ xác thực và phân quyền truy cập, dịch vụ giám sát và quản lý truy cập dữ liệu, bảo đảm các hệ thống thông tin có thể kết nối và trao đổi dữ liệu thuận lợi, an toàn.

5. Hệ thống thông tin kết nối với LGSP thực hiện chức năng quản lý, giám sát các hoạt động kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin; ghi nhận nhật ký truy cập, theo dõi trạng thái kết nối và cung cấp thông tin thống kê, báo cáo phục vụ công tác quản lý, điều hành của cơ quan có thẩm quyền.

6. Hệ thống thông tin kết nối với LGSP thực hiện các cơ chế kiểm soát truy cập, xác thực, phân quyền và các biện pháp kỹ thuật cần thiết nhằm bảo đảm an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu và phòng ngừa các hành vi truy cập trái phép trong quá trình kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu.

7. Hệ thống thông tin kết nối với LGSP là hạ tầng kỹ thuật hỗ trợ triển khai các hệ thống thông tin dùng chung, các dịch vụ số của tỉnh và các ứng dụng phục vụ chỉ đạo, điều hành, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và các nền tảng số khác trong quá trình xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh.

Điều 7. Yêu cầu đối với Hệ thống thông tin kết nối với LGSP

1. Hệ thống thông tin kết nối với LGSP phải bảo đảm khả năng kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh; đồng thời bảo đảm khả năng liên thông với các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu và các hệ thống thông tin của Bộ, ngành Trung ương theo quy định.

2. Việc thiết kế, xây dựng và vận hành Hệ thống thông tin kết nối với LGSP phải tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tích hợp, chia sẻ dữ liệu, bao gồm quy chuẩn về cấu trúc thông điệp dữ liệu phục vụ kết nối với các hệ thống thông

tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, bảo đảm khả năng kết nối, trao đổi dữ liệu thống nhất, đồng bộ.

3. Hệ thống thông tin kết nối với LGSP phải được thiết kế và vận hành bảo đảm hoạt động ổn định, liên tục, đáp ứng nhu cầu kết nối và chia sẻ dữ liệu của các cơ quan, đơn vị; có khả năng mở rộng để đáp ứng nhu cầu phát triển các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu trong tương lai.

4. Hệ thống thông tin kết nối với LGSP phải được triển khai các biện pháp kỹ thuật và quản lý nhằm bảo đảm an toàn thông tin, kiểm soát truy cập, xác thực và phân quyền người sử dụng; phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời các nguy cơ mất an toàn thông tin trong quá trình kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu.

5. Hệ thống thông tin kết nối với LGSP phải có chức năng quản lý, giám sát các hoạt động kết nối và chia sẻ dữ liệu; ghi nhận nhật ký truy cập, theo dõi trạng thái kết nối giữa các hệ thống thông tin; thống kê, tổng hợp và cung cấp báo cáo phục vụ công tác quản lý, điều hành của cơ quan có thẩm quyền.

6. Hệ thống thông tin kết nối với LGSP phải cho phép quản lý danh mục các hệ thống thông tin kết nối, các dịch vụ dữ liệu được cung cấp và các quyền truy cập dữ liệu của các cơ quan, đơn vị; bảo đảm việc quản lý, khai thác và chia sẻ dữ liệu được thực hiện đúng thẩm quyền và đúng mục đích.

7. Hệ thống thông tin kết nối với LGSP phải có tính năng hỗ trợ tích hợp, chia sẻ dữ liệu phục vụ triển khai các hệ thống thông tin dùng chung, các nền tảng số và các dịch vụ số của tỉnh; góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, cải cách hành chính và phát triển chính quyền số trên địa bàn tỉnh.

Điều 8. Bảo đảm an toàn thông tin

1. Việc quản lý, vận hành, kết nối và chia sẻ dữ liệu thông qua LGSP tỉnh phải tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng, bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Hệ thống thông tin kết nối với LGSP phải được triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin theo quy định đối với hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước, bao gồm các biện pháp quản lý, kỹ thuật và tổ chức nhằm bảo vệ hệ thống, hạ tầng kỹ

thuật, phần mềm và dữ liệu trong quá trình kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu.

3. Việc truy cập và khai thác dữ liệu thông qua Hệ thống thông tin kết nối với LGSP phải được thực hiện thông qua cơ chế xác thực và phân quyền truy cập. Chỉ các cơ quan, tổ chức, cá nhân được cấp quyền mới được phép kết nối, khai thác và sử dụng dữ liệu theo đúng phạm vi, mục đích và thẩm quyền được giao.

4. Dữ liệu trao đổi thông qua Hệ thống thông tin kết nối với LGSP phải được bảo vệ bằng các biện pháp kỹ thuật phù hợp nhằm bảo đảm tính bảo mật, toàn vẹn và sẵn sàng của dữ liệu trong quá trình truyền nhận, tích hợp và khai thác.

5. Các hoạt động kết nối, truy cập, khai thác và chia sẻ dữ liệu thông qua Hệ thống thông tin kết nối với LGSP phải được ghi nhận đầy đủ vào nhật ký hệ thống để phục vụ công tác giám sát, kiểm tra, phát hiện và xử lý các sự cố hoặc hành vi vi phạm về an toàn thông tin.

6. Cơ quan quản lý, vận hành Hệ thống thông tin kết nối với LGSP có trách nhiệm xây dựng và triển khai các phương án phòng ngừa, phát hiện, cảnh báo và xử lý sự cố an toàn thông tin; kịp thời phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền để khắc phục sự cố và bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định, an toàn.

7. Các cơ quan, đơn vị khi kết nối hệ thống thông tin với Hệ thống thông tin kết nối với LGSP phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin đối với hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý của mình; đồng thời phối hợp với cơ quan quản lý Hệ thống thông tin kết nối với LGSP trong việc giám sát, phát hiện và xử lý các sự cố an toàn thông tin liên quan đến việc kết nối và chia sẻ dữ liệu.

Chương III

KẾT NỐI VÀ CHIA SẺ DỮ LIỆU

Điều 9. Điều kiện kết nối hệ thống thông tin

1. Hệ thống thông tin được kết nối với LGSP tỉnh phải phù hợp với kiến trúc Chính quyền điện tử, Chính quyền số của tỉnh và các quy định về quản lý, đầu tư, xây dựng, vận hành hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước.

2. Hệ thống thông tin khi kết nối với Hệ thống thông tin kết nối với LGSP phải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các yêu cầu kỹ thuật về tích hợp, chia

sẽ dữ liệu do cơ quan có thẩm quyền ban hành, bảo đảm khả năng trao đổi dữ liệu thống nhất, đồng bộ và ổn định.

3. Hệ thống thông tin kết nối với Hệ thống thông tin kết nối với LGSP phải có khả năng cung cấp các dịch vụ dữ liệu hoặc khai thác dữ liệu thông qua các giao diện lập trình ứng dụng hoặc các phương thức tích hợp phù hợp theo quy định kỹ thuật của Hệ thống thông tin kết nối với LGSP.

4. Hệ thống thông tin khi kết nối với Hệ thống thông tin kết nối với LGSP phải đáp ứng các yêu cầu về an toàn thông tin theo quy định của pháp luật; thực hiện các biện pháp bảo vệ hệ thống, kiểm soát truy cập, xác thực và phân quyền người sử dụng; bảo đảm an toàn dữ liệu trong quá trình kết nối và chia sẻ.

5. Cơ quan, đơn vị quản lý hệ thống thông tin phải xây dựng phương án quản lý, vận hành và duy trì kết nối với Hệ thống thông tin kết nối với LGSP; bố trí nhân lực kỹ thuật để phối hợp với cơ quan quản lý Hệ thống thông tin kết nối với LGSP trong quá trình thiết lập, vận hành, giám sát và xử lý sự cố kết nối.

6. Việc kết nối hệ thống thông tin với Hệ thống thông tin kết nối với LGSP phải được sự chấp thuận của cơ quan quản lý, vận hành Hệ thống thông tin kết nối với LGSP sau khi thực hiện kiểm tra, đánh giá khả năng đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, an toàn thông tin và các điều kiện liên quan theo quy định.

7. Trước khi đưa vào khai thác chính thức, việc kết nối hệ thống thông tin với Hệ thống thông tin kết nối với LGSP phải được thực hiện kiểm thử kỹ thuật, đánh giá khả năng tích hợp và bảo đảm an toàn thông tin nhằm bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định và an toàn. Hệ thống thông tin khi kết nối với Hệ thống thông tin kết nối với LGSP để trao đổi dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia phải tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc thông điệp dữ liệu và các quy định kỹ thuật liên quan, bảo đảm khả năng tích hợp, liên thông và an toàn dữ liệu.

Điều 10. Quy trình kết nối hệ thống thông tin với Hệ thống thông tin kết nối với LGSP

1. Cơ quan, đơn vị quản lý hệ thống thông tin có nhu cầu kết nối với LGSP tỉnh gửi đề nghị kết nối tới cơ quan quản lý, vận hành Hệ thống thông tin kết nối với LGSP.

Nội dung đề nghị kết nối phải nêu rõ: Mục đích kết nối, phạm vi dữ liệu chia sẻ, thông tin về hệ thống thông tin cần kết nối và các yêu cầu kỹ thuật liên quan.

2. Cơ quan quản lý, vận hành Hệ thống thông tin kết nối với LGSP thực hiện đánh giá khả năng đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật của hệ thống thông tin đề nghị kết nối, bao gồm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về tích hợp, chia sẻ dữ liệu, yêu cầu về an toàn thông tin và khả năng kết nối, liên thông với Hệ thống thông tin kết nối với LGSP; trường hợp có kết nối, trao đổi dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia thì phải kiểm tra, đánh giá việc tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc thông điệp dữ liệu và các quy định kỹ thuật có liên quan; trên cơ sở kết quả đánh giá, cơ quan quản lý Hệ thống thông tin kết nối với LGSP thông báo việc chấp thuận hoặc yêu cầu hoàn thiện các điều kiện kỹ thuật trước khi thực hiện kết nối.

3. Sau khi được chấp thuận về mặt kỹ thuật, cơ quan quản lý, vận hành Hệ thống thông tin kết nối với LGSP phối hợp với cơ quan, đơn vị quản lý hệ thống thông tin để thiết lập môi trường kết nối, cấu hình các dịch vụ tích hợp dữ liệu, xác lập quyền truy cập và các thông số kỹ thuật cần thiết phục vụ việc trao đổi dữ liệu.

4. Việc kết nối hệ thống thông tin với Hệ thống thông tin kết nối với LGSP phải được thực hiện kiểm thử kỹ thuật nhằm đánh giá khả năng tích hợp, trao đổi dữ liệu, hiệu năng hệ thống và mức độ bảo đảm an toàn thông tin. Kết quả kiểm thử phải được xác nhận giữa cơ quan quản lý Hệ thống thông tin kết nối với LGSP và cơ quan, đơn vị quản lý hệ thống thông tin trước khi đưa vào vận hành chính thức.

5. Sau khi hoàn thành kiểm thử và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật, hệ thống thông tin được phép kết nối chính thức với Hệ thống thông tin kết nối với LGSP để thực hiện việc trao đổi và chia sẻ dữ liệu. Các hoạt động kết nối và khai thác dữ liệu phải được giám sát, ghi nhật ký hệ thống và quản lý theo quy định.

Điều 11. Quản lý việc chia sẻ dữ liệu

1. Việc chia sẻ dữ liệu thông qua LGSP tỉnh phải được quản lý thống nhất, bảo đảm việc cung cấp và khai thác dữ liệu đúng thẩm quyền, đúng mục đích, tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý dữ liệu, an toàn thông tin mạng, bảo vệ bí mật

nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì quản lý danh mục các dịch vụ dữ liệu, các cơ sở dữ liệu và các hệ thống thông tin được chia sẻ thông qua Hệ thống thông tin kết nối với LGSP. Danh mục dữ liệu chia sẻ phải xác định rõ: Cơ quan cung cấp dữ liệu, phạm vi dữ liệu được chia sẻ, đối tượng được khai thác dữ liệu và phương thức chia sẻ dữ liệu.

3. Việc truy cập và khai thác dữ liệu thông qua Hệ thống thông tin kết nối với LGSP phải được thực hiện trên cơ sở phân quyền truy cập theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị. Cơ quan, đơn vị khai thác dữ liệu chỉ được sử dụng dữ liệu trong phạm vi được cấp quyền và đúng mục đích phục vụ hoạt động quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công và các nhiệm vụ được giao.

4. Cơ quan cung cấp dữ liệu chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, kịp thời và hợp pháp của dữ liệu do mình quản lý khi thực hiện chia sẻ thông qua Hệ thống thông tin kết nối với LGSP; đồng thời phải thực hiện cập nhật dữ liệu khi có thay đổi để bảo đảm dữ liệu được chia sẻ luôn phản ánh đúng thông tin thực tế.

5. Hoạt động truy cập, khai thác và sử dụng dữ liệu thông qua Hệ thống thông tin kết nối với LGSP phải được kiểm soát và ghi nhận nhật ký hệ thống để phục vụ công tác giám sát, kiểm tra và xử lý các hành vi khai thác dữ liệu không đúng quy định.

6. Việc chia sẻ dữ liệu thông qua Hệ thống thông tin kết nối với LGSP phải bảo đảm các yêu cầu về an toàn thông tin và bảo mật dữ liệu; áp dụng các cơ chế xác thực, phân quyền truy cập và các biện pháp kỹ thuật cần thiết nhằm bảo vệ dữ liệu trong quá trình trao đổi và khai thác.

7. Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện việc giám sát, theo dõi hoạt động chia sẻ dữ liệu thông qua Hệ thống thông tin kết nối với LGSP; tổng hợp, đánh giá tình hình kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh và báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

8. Việc chia sẻ dữ liệu thông qua Hệ thống thông tin kết nối với LGSP phải được thực hiện thông qua các dịch vụ dữ liệu được công bố, quản lý tập trung; không thực

hiện chia sẻ dữ liệu trực tiếp ngoài LGSP, trừ trường hợp đặc biệt theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

Chương IV **NGUỒN LỰC BẢO ĐẢM**

Điều 12. Bảo đảm kỹ thuật và nhân lực

1. Hệ thống thông tin kết nối với LGSP phải được đầu tư, duy trì và vận hành trên hạ tầng kỹ thuật bảo đảm đáp ứng yêu cầu kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

2. Hạ tầng kỹ thuật của Hệ thống thông tin kết nối với LGSP phải được thiết kế bảo đảm hoạt động ổn định, liên tục, có khả năng mở rộng để đáp ứng nhu cầu phát triển hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu của các cơ quan nhà nước trong quá trình chuyển đổi số.

3. Cơ quan quản lý, vận hành Hệ thống thông tin kết nối với LGSP phải bố trí đội ngũ nhân lực có trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện việc quản lý, vận hành, giám sát hệ thống, bảo đảm hoạt động ổn định và an toàn.

4. Các cơ quan, đơn vị có hệ thống thông tin kết nối với Hệ thống thông tin kết nối với LGSP phải bố trí cán bộ kỹ thuật để phối hợp với cơ quan quản lý LGSP trong quá trình thiết lập kết nối, vận hành hệ thống, xử lý sự cố và bảo đảm hoạt động chia sẻ dữ liệu.

5. Hệ thống thông tin kết nối với LGSP phải được xây dựng phương án dự phòng, sao lưu dữ liệu và bảo đảm khả năng khôi phục hoạt động khi xảy ra sự cố, đáp ứng yêu cầu về tính sẵn sàng và liên tục của hệ thống.

Điều 13. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí triển khai, quản lý, vận hành và duy trì hoạt động của Hệ thống thông tin kết nối với LGSP được bố trí từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Kinh phí thực hiện bao gồm các nội dung chi phục vụ việc xây dựng, nâng cấp, duy trì, vận hành Hệ thống thông tin kết nối với LGSP; bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, an toàn thông tin; đào tạo, bồi dưỡng nhân lực kỹ thuật; và các hoạt động liên quan

đến quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu.

3. Việc quản lý và sử dụng kinh phí cho hoạt động của Hệ thống thông tin kết nối với LGSP phải bảo đảm đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả và tuân thủ các quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan.

Chương V **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Chủ trì quản lý, vận hành và duy trì hoạt động của Hệ thống thông tin kết nối với LGSP; bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định, an toàn và đáp ứng yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

2. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trong việc kết nối hệ thống thông tin với Hệ thống thông tin kết nối với LGSP; hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình tích hợp, chia sẻ và khai thác dữ liệu.

3. Thực hiện giám sát, theo dõi các hoạt động kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu thông qua Hệ thống thông tin kết nối với LGSP; kịp thời phát hiện, xử lý các sự cố kỹ thuật và các vấn đề liên quan đến an toàn thông tin.

4. Quản lý danh mục các hệ thống thông tin kết nối với Hệ thống thông tin kết nối với LGSP và các dịch vụ dữ liệu được cung cấp; thực hiện quản lý quyền truy cập và khai thác dữ liệu theo quy định.

5. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình kết nối, chia sẻ dữ liệu và hoạt động của Hệ thống thông tin kết nối với LGSP theo quy định.

6. Ban hành hướng dẫn kỹ thuật về tích hợp, chia sẻ dữ liệu thông qua Hệ thống thông tin kết nối với LGSP trên cơ sở tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; tổ chức kiểm tra, đánh giá việc tuân thủ trong quá trình kết nối, vận hành và khai thác dữ liệu.

7. Xây dựng, ban hành và công bố tài liệu hướng dẫn kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu thông qua Hệ thống thông tin kết nối với LGSP; việc công bố thực hiện đối với các nội dung không thuộc phạm vi hạn chế trên Cổng hoặc Trang thông tin điện tử Hệ thống thông tin kết nối với LGSP, đồng thời cung cấp tài liệu kỹ thuật chi tiết

cho các cơ quan, đơn vị đã được phê duyệt kết nối, bảo đảm phân loại mức độ công khai, hạn chế và nội bộ, đáp ứng yêu cầu an toàn thông tin và bảo mật hệ thống.

8. Hằng năm, căn cứ tình hình thực tế, lập dự toán gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, cấp kinh phí đảm bảo hoạt động của LGSP tỉnh Tuyền Quang.

Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Các cơ quan, đơn vị có hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý có trách nhiệm thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu thông qua Hệ thống thông tin kết nối với LGSP theo quy định của pháp luật và quy chế này.

2. Cơ quan, đơn vị cung cấp dữ liệu chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ và kịp thời của dữ liệu được chia sẻ thông qua Hệ thống thông tin kết nối với LGSP.

3. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc thực hiện kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu; cử cán bộ kỹ thuật tham gia triển khai, vận hành và xử lý sự cố khi cần thiết.

4. Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin đối với hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý khi kết nối với Hệ thống thông tin kết nối với LGSP; phối hợp xử lý các sự cố liên quan đến an toàn thông tin.

5. Cung cấp thông tin, báo cáo tình hình khai thác, sử dụng dữ liệu khi có yêu cầu của cơ quan quản lý Hệ thống thông tin kết nối với LGSP hoặc cơ quan có thẩm quyền.

6. Sở Tài chính: Căn cứ trên cơ sở đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ, bố trí kinh phí đảm bảo hoạt động của LGSP tỉnh Tuyền Quang, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 16. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1066/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 18 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Ban hành danh mục thuốc mua sắm tập trung
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15,, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 04/2024/TT-BYT ngày 20 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia đối với thuốc;

Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BYT ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định danh mục thuốc, thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm được áp dụng hình thức đàm phán giá và quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 456/TTr-SYT ngày 01 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành danh mục thuốc mua sắm tập trung trong phòng bệnh và khám, chữa bệnh của các cơ sở y tế thuộc tỉnh Tuyên Quang, bao gồm:

- 1. Danh mục thuốc mua sắm tập trung cấp địa phương gồm 123 mặt hàng được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.
- 2. Danh mục thuốc bổ sung do cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh đề xuất (trừ thuốc thuộc danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia và thuốc thuộc danh mục được áp dụng hình thức đàm phán giá) được Sở Y tế rà soát, tổng hợp, quyết định lựa chọn.

Chủ tịch UBND tỉnh uỷ quyền cho Giám đốc Sở Y tế thực hiện ban hành quyết định bổ sung vào danh mục thuốc mua sắm tập trung cấp địa phương các mặt hàng thuốc không thuộc danh mục tại khoản 1 Điều này và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh đối với việc bổ sung thuốc.

Thời hạn uỷ quyền: Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31/12/2031.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- 1. Sở Y tế chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc triển khai thực hiện mua sắm tập trung đối với các thuốc quy định tại Điều 1 Quyết định này, bảo đảm đáp ứng nhu cầu phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh.
- 2. Sở Tài chính, Bảo hiểm xã hội tỉnh Tuyên Quang, Kho bạc nhà nước khu vực VIII theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra giám sát Sở Y tế, các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện mua sắm tập trung đối với thuốc theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.
- 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 532/QĐ-UBND ngày 27/5/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang về

việc ban hành danh mục mua sắm tập trung đối với thuốc trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang và Quyết định số 1260/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang về việc ban hành danh mục thuốc mua sắm tập trung và giao thực hiện nhiệm vụ mua sắm tập trung thuốc trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Tài chính; Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Tuyên Quang; Giám đốc Kho bạc nhà nước khu vực VIII và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Vương Ngọc Hà

Phụ lục**DANH MỤC THUỐC MUA SẮM TẬP TRUNG CẤP ĐỊA PHƯƠNG**

(Kèm theo Quyết định số 1066/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính
1	Acarbose	50mg	Uống	Viên
2	Acetyl cystein	200mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
3	Aciclovir	800mg	Uống	Viên
4	Acid Tranexamic	10% x 5ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
5	Acid Tranexamic	5% x 5ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
6	Adrenalin	1mg/ml x 1ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
7	Albendazol	400mg	Uống	Viên
8	Albumin	20% x 50ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
9	Allopurinol	300mg	Uống	Viên
10	Alverin	40mg	Uống	Viên
11	Amikacin	500mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
12	Amiodaron	200mg	Uống	Viên
13	Amoxcillin + acid clavulanic	500mg + 62,5mg	Uống	Gói
14	Amoxicilin	500mg	Uống	Viên
15	Amoxicilin	250mg	Uống	Viên
16	Amphotericin B	50mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
17	Ampicilin	1g	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
18	Atenolol	50mg	Uống	Viên
19	Azithromycin	500mg	Uống	Viên
20	Azithromycin	200mg/5ml	Uống	Chai/Lọ/Ống
21	Bromhexin	8mg	Uống	Viên
22	Bupivacain	0,5% x 4ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
23	Bupivacain	0,5% x 20ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
24	Captopril	25mg	Uống	Viên
25	Carbimazol	5mg	Uống	Viên

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính
26	Carboplatin	150mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
27	Cefixim	200mg	Uống	Viên
28	Cefixim	100mg	Uống	Viên
29	Ciclosporin	25mg	Uống	Viên
30	Cimetidin	200mg	Uống	Viên
31	Cimetidin	400mg	Uống	Viên
32	Ciprofloxacin	2mg/ml x 100ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
33	Ciprofloxacin	0,3% x 5ml	Nhỏ mắt	Chai/Lọ/Ống
34	Clarithromycin	250mg	Uống	Viên
35	Clindamycin	150mg/ml x 4ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
36	Clindamycin	150mg/ml x 2ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
37	Clindamycin	300mg	Uống	Viên
38	Clindamycin	150mg	Uống	Viên
39	Clotrimazol	1%	Dùng ngoài	Tuýp
40	Diclofenac	50mg	Uống	Viên
41	Diclofenac	75mg	Uống	Viên
42	Dobutamin	250mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
43	Dopamin hydroclorid	40mg/ml x 5ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
44	Doxycyclin	100mg	Uống	Viên
45	Enalapril	5mg	Uống	Viên
46	Enalapril	10mg	Uống	Viên
47	Etoposid	100mg	Uống	Viên
48	Famotidin	40mg	Uống	Viên
49	Fenofibrat	300mg	Uống	Viên
50	Fenofibrat	100mg	Uống	Viên
51	Fluconazol	150mg	Uống	Viên
52	Fluconazol	2mg/ml x 100ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
53	Fluorouracil	50mg/ml x 5ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính
54	Fluorouracil	50mg/ml x 10ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
55	Furosemid	10mg/ml x 2ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
56	Furosemid	40mg	Uống	Viên
57	Gentamicin	40mg/ml x 2ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
58	Glibenclamid	5mg	Uống	Viên
59	Gliclazid	30mg	Uống	Viên
60	Gliclazid	80mg	Uống	Viên
61	Heparin natri	25.000IU	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
62	Hydrocortison	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
63	Hyoscin butylbromid	20mg/ml x 1ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
64	Hyoscin butylbromid	10mg	Uống	Viên
65	Ibuprofen	400mg	Uống	Viên
66	Ibuprofen	200mg	Uống	Viên
67	Isosorbid	60mg	Uống	Viên
68	Ketoconazol	2% x 5g	Dùng ngoài	Tuýp
69	Ketoconazol	2% x 10g	Dùng ngoài	Tuýp
70	Lactulose	10g/15ml	Uống	Chai/Lọ/Ống/Gói/Túi
71	Levofloxacin	250mg	Uống	Viên
72	Lidocain	2% x 2ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
73	Lidocain	2% x 10ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
74	Loperamid	2mg	Uống	Viên
75	Loratadin	10mg	Uống	Viên
76	Mebendazol	500mg	Uống	Viên
77	Meloxicam	10mg/ml x 1,5ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
78	Metformin hydroclorid	850mg	Uống	Viên
79	Methotrexat	50mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
80	Methyl prednisolon	16mg	Uống	Viên
81	Methyl prednisolon	40mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính
82	Methyl prednisolon	4mg	Uống	Viên
83	Methyldopa	250mg	Uống	Viên
84	Methylergometrin maleat	0,2mg/ml x 1ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
85	Metronidazol	5mg/ml x 100ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
86	Metronidazol	250mg	Uống	Viên
87	Misoprostol	200mg	Uống	Viên
88	Nifedipin	20mg	Uống	Viên
89	Nifedipin	10mg	Uống	Viên
90	Nước cất	5ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
91	Nước cất	10ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
92	Ofloxacin	0,3% x 5ml	Nhỏ mắt, tai	Chai/Lọ/Ống
93	Ondansetron	2mg/ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
94	Oxytocin	5IU	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
95	Paracetamol	80mg	Uống	Gói
96	Paracetamol	150mg	Uống	Gói
97	Paracetamol	250mg	Uống	Gói
98	Paracetamol	500mg	Uống	Viên
99	Paracetamol	650mg	Uống	Viên
100	Piroxicam	20mg/ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
101	Piroxicam	20mg	Uống	Viên
102	Povidon iod	10% x 20ml	Dùng ngoài	Chai/Lọ/Túi
103	Povidon iod	10% x 100ml	Dùng ngoài	Chai/Lọ/Túi
104	Povidon iod	10% x 125ml	Dùng ngoài	Chai/Lọ/Túi
105	Prednisolon	5mg	Uống	Viên
106	Propylthiouracil	50mg	Uống	Viên
107	Ranitidin	300mg	Uống	Viên
108	Ranitidin	150mg	Uống	Viên

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính
109	Ribavirin	400mg	Uống	Viên
110	Risperidon	2mg	Uống	Viên
111	Salbutamol	0,5mg/ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
112	Salbutamol	2mg	Uống	Viên
113	Simvastatin	20mg	Uống	Viên
114	Simvastatin	10mg	Uống	Viên
115	Spironolacton	25mg	Uống	Viên
116	Sulfamethoxazol + Trimethoprim	400mg + 80mg	Uống	Viên
117	Sulfamethoxazol + Trimethoprim	(40mg + 8mg)/ml	Uống	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói
118	Sulpirid	50mg	Uống	Viên
119	Tamoxifen	10mg	Uống	Viên
120	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Uống	Viên
121	Vancomycin	500mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
122	Xylometazolin	0,1% x 10ml	Nhỏ mũi	Chai/Lọ/Ống
123	Xylometazolin	0,05% x 10ml	Nhỏ mũi	Chai/Lọ/Ống

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1074/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 21 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Bãi bỏ các Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp thuộc lĩnh vực Tài chính

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ 05 Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp thuộc lĩnh vực Tài chính, gồm:

1. Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 28 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Quy định chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;
2. Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang quy định mức tối đa tiêu hao nhiên liệu đối với xe ô tô phục vụ công tác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Giang;
3. Quyết định số 06/2024/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình và Danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

4. Quyết định số 05/2018/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành giá dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng và trông giữ xe tại các chợ được đầu tư bằng nguồn vốn NSNN trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

5. Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định nội dung chi và mức chi cho hoạt động của Hội đồng thẩm định bảng giá đất, Hội đồng thẩm định giá đất và Tổ giúp việc của Hội đồng thẩm định bảng giá đất, Hội đồng thẩm định giá đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Bãi bỏ Danh mục Quyết định tại số thứ tự 19, 22, 27 Phụ lục II; số thứ tự 26 Phụ lục III; số thứ tự 21 Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc áp dụng các Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở, Thủ trưởng ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Phan Huy Ngọc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1104/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 22 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
về việc phê duyệt phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy
nước sinh hoạt của Công trình khai thác nước dưới đất giếng khoan
LK2-LQ, xã Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BNNMT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực tài nguyên nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số

259/TTr-NNMT ngày 13/4/2026 về việc phê duyệt phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của Công trình khai thác nước dưới đất LK2-LQ, xã Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của Công trình khai thác nước dưới đất giếng khoan LK2-LQ, xã Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang với các nội dung sau:

1. Tên công trình: Công trình khai thác nước dưới đất giếng khoan LK2 - LQ.
2. Nguồn nước khai thác: Nước dưới đất.
3. Quy mô, công suất khai thác: 480 m³/ngày đêm.
4. Vị trí khai thác: Thôn Đoàn Kết, xã Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.
5. Phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh: Bán kính 20 m tính từ miệng giếng khoan của công trình.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Công ty cổ phần cấp thoát nước Tuyên Quang có trách nhiệm:
 - Phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Yên Sơn và các cơ quan liên quan tổ chức xác định ranh giới vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên thực địa.
 - Tổ chức cắm mốc, lắp đặt biển chỉ dẫn và bảo vệ phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh; thực hiện giám sát các hoạt động trong phạm vi vùng bảo hộ.
 - Bảo vệ nguồn nước mình đang trực tiếp khai thác, sử dụng; theo dõi, giám sát các hoạt động trong vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình. Trường hợp phát hiện hành vi gây ô nhiễm hoặc có nguy cơ gây ô nhiễm, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác nước của công trình và các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên nước khác trong phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình khai thác thì phải kịp thời ngăn chặn, đồng thời báo cáo ngay đến chính quyền địa phương nơi gần nhất để xử lý.
2. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm:
 - Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt, tổ chức việc công bố trên Cổng thông tin

điện tử của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Đôn đốc, giám sát Ủy ban nhân dân xã Yên Sơn và Công ty cổ phần cấp thoát nước Tuyền Quang xác định ranh giới vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên thực địa.

3. Ủy ban nhân dân xã Yên Sơn có trách nhiệm:

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt, tổ chức việc công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử của UBND xã Yên Sơn.

- Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt, gửi thông báo về kế hoạch xác định ranh giới vùng bảo hộ vệ sinh trên thực địa đến Công ty cổ phần cấp thoát nước Tuyền Quang và phối hợp thực hiện việc xác định ranh giới phạm vi, vị trí đặt biển chỉ dẫn vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên thực địa; sau khi hoàn thành việc xác định ranh giới vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên thực địa, cập nhật ranh giới vùng bảo hộ vào bản đồ địa chính của xã để quản lý các hoạt động xây dựng, sản xuất xung quanh; gửi thông báo tới Sở Nông nghiệp và Môi trường về kết quả hoàn thành.

- Tuyên truyền, phổ biến đến các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sinh sống, hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt phải tuân thủ các quy định về bảo vệ tài nguyên nước theo quy định pháp luật về tài nguyên nước, pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Kiểm tra, giám sát các hoạt động trong vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; tiếp nhận thông tin, giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ký ban hành.

2. Bãi bỏ số thứ tự 20 Phụ lục Danh mục phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt đối với công trình khai thác đã được cấp giấy phép trên địa bàn

tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Yên Sơn; Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần cấp thoát nước Tuyên Quang và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Hoàng Gia Long

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TUYỀN QUANG XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 160 - Đường Trần Hưng Đạo - P. Minh Xuân - T. Tuyền Quang;

Điện thoại liên hệ: 0207.3822.475;

E-mail: congbao.tinh TUYENQUANG@gmail.com;

Website: congbao.tuyenquang.gov.vn.

